

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MÀM NON XÃ PA THƠM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Số /BC-TMN

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Vũ Thị Nhớ	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Nguyễn Hồng Vân	Phó Hiệu trưởng Chủ tịch CĐ	Phó chủ tịch HĐ	
3	Quảng Thị Phượng	Tổ trưởng CM	Thư ký Hội đồng	
4	Phạm Thị Giang	Tổ phó CM	Ủy viên hội đồng	
5	Lò Thị Minh	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
6	Vũ Thị Thu Thủy	Nhân viên y tế	Ủy viên hội đồng	
7	Phùng Thị Thủy	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
8	Vì Thị Lan	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Vì Thị Thanh	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả TĐG	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1 : Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	15
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	17
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	19
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	22
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	23
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	25
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	27
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	28
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học	29
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	31
Tiêu chuẩn 2: CBQL, GV, NV	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	32
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	34
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	38

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	39
Tiêu chí 3.2: Khối phòng, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	42
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	43
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	45
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	46
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	48
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	50
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	51
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức cá nhân của nhà	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	54
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	55
Mở đầu	55
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	55
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ	57
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	59
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	63
PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG	64

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Nội dung viết tắt
1	ATTP	An toàn thực phẩm
2	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
3	CBQL,GV,NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
4	CNNGV	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên
5	NDCSGD	Nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục
6	GDMN	Giáo dục mầm non
7	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
8	UBND	Ủy ban nhân dân
9	TĐG	Tự đánh giá
10	TNCSHCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
11	LQVT	Làm quen với toán
12	LQCC	Làm quen chữ cái

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng đạt hoặc không đạt

1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non xã Pa Thơm

Tên trước đây: Trường Mầm non Pa Thơm

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên

Thành phố/Tỉnh	Điện Biên	Họ và tên Hiệu trưởng	Vũ Thị Nhớ
Huyện/quận /thị xã	Điện Biên	Điện thoại	0917067838
Xã / phường/thị trấn	Pa Thơm	Fax	
Đạt Chuẩn Quốc gia	2020	Website	https://mnpathom.huyen.dienbien.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2004	Số điểm trường	5
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Nhóm trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi	1	3	1	1	2
Số lớp mẫu giáo 3-5 tuổi	0	0	0	0	1
Số lớp mẫu giáo ghép 4,5 tuổi	0	0	0	0	0
Số lớp mẫu giáo ghép 3,4,5 tuổi	1	1	1	1	4
Lớp mẫu giáo ghép nhiều độ tuổi	5	3	5	5	0
Cộng	7	7	7	7	7

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	7	7	7	7	7
1	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng phục vụ học tập	1	1	1	1	1
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Khối phòng hành chính quản trị	5	5	5	5	5
1	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
IV	Nhà bếp	6	6	6	6	6
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2
2	Phòng bán kiên cố	4	4	4	4	4
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
V	Nhà công vụ	3	3	3	3	3
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
	Cộng	24	24	24	24	24

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Giáo viên	11	11	7	0	2	9	
Nhân viên	3	2	1	0	3	0	
Cộng	16	15	8	0	5	11	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số giáo viên	11	10	10	10	11
2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	14,5	8,25	10,33	9,5	5,33
3	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	8,1	9,5	9,0	9	8,1
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	2	2	3	3
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
...	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	102	89	94	89	81	
	- Nữ	53	40	36	37	32	
	- Dân tộc thiểu số	102	86	93	87	79	
2	Đối tượng chính sách	17	29	35	33	23	Nghèo
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	11	19	27	11	11	
5	Học 2 buổi/ngày	102	89	94	89	81	
6	Bán trú	102	89	94	89	81	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	12,2	14	9,7	11,7	13	
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	29	11	31	19	8	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	20	6	9	5	11	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	9	27	22	14	5	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	18	19	26	22	14	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	19	18	19	28	24	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	36	19	18	20	27	
	Các số liệu khác						

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non xã Pa Thơm được thành lập theo Quyết định số 1542/QĐ-CT ngày 07 tháng 7 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/8/2004. Trường nằm trên địa bàn bản Pa Xa Lào, xã Pa Thơm, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trường có tổng số 81 trẻ với 7 nhóm, lớp: Trong đó: 02 nhóm trẻ 16 học sinh, 5 lớp mẫu giáo ghép: 65 học sinh. Số học sinh mẫu giáo 3 tuổi là 14 trẻ, 4 tuổi là 24 trẻ và 5 tuổi là 27 trẻ. Trường có tổng diện tích 4.246,1 m². Trong đó, điểm trường Trung tâm 1.753,7 m², điểm trường Buôm En 495,7 m², điểm trường Huổi Moi 268 m², điểm trường Xa Cuông 615,8 m², điểm trường Púng Bon 538 m², điểm trường Pa Thơm 574,9 m². Cơ sở vật chất khang trang, môi trường học tập an toàn, sạch, đẹp, đủ các phòng chức năng theo quy định và đầy đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Trong năm học vừa qua, nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương; năm học 2023-2024 trường đã đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến, được UBND huyện Điện Biên tặng Giấy khen. Tổ chức Công đoàn đạt Công đoàn Vững mạnh. Chi bộ Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, được đảng bộ xã tặng Giấy khen.

Trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ theo Điều lệ Trường Mầm non; tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trong đó trình độ trên chuẩn 9/11 giáo viên đạt 81,8%; giáo viên dạy giỏi các cấp 7/11 đạt 63,6%. Qua các đợt kiểm tra của Phòng GD&ĐT, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ đạt trở lên, không có giáo viên xếp loại yếu, kém. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng NDCSGD được nâng lên. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; phối hợp với các ban ngành đoàn thể, đơn vị đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực tôn tạo cảnh quan môi trường. Nhà trường duy trì nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ và tổ chức tốt các hoạt động.

2. Mục đích tự đánh giá

TĐG là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do

Bộ GD&ĐT ban hành. Việc TĐG nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc TĐG, nhận thức của tập thể CBQL, GV, NV về công tác chăm sóc giáo dục trẻ được thay đổi theo chiều hướng tích cực; công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nề nếp hơn. Công tác TĐG thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả TĐG giúp cho tập thể CBQL, GV, NV xác định được những điểm mạnh, điểm yếu từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch TĐG tới toàn thể CBQL, GV, NV của đơn vị; thành lập Hội đồng TĐG bao gồm: Cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện các đoàn thể, giáo viên. Thư ký hội đồng là những giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng TĐG của trường tiến hành theo đúng quy trình TĐG, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng, viết phiếu đánh giá tiêu chí cho từng nhóm. Hội đồng TĐG được chia thành 04 nhóm: Nhóm 1 được phân công thu thập, xử lý, phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá tiêu chuẩn 1; nhóm 2 được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá tiêu chuẩn 2; nhóm 3 được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá tiêu chuẩn 3; nhóm 4 được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chuẩn 5.

TĐG là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, được giành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. TĐG đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình TĐG được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo TĐG bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Hoạt động TĐG của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG.

Bước 2. Lập kế hoạch TĐG.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo TĐG.

Bước 6. Công bố báo cáo TĐG.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học.

Đề báo cáo TĐG đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan; Hội đồng TĐG đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan. Trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành TĐG. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo TĐG. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; căn cứ kết quả TĐG nhà trường đạt mức 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhà trường xây dựng kế hoạch đề ra chiến lược phát triển, kiện toàn đầy đủ cơ cấu tổ chức theo đúng quy định trong Điều lệ Trường Mầm non, có chi bộ đảng, công đoàn, chi đoàn thanh niên thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức thành nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ghép, học 2 buổi/ngày. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng NDCSGD. Giáo viên các nhóm, lớp căn cứ vào kế hoạch của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn thực hiện chương trình của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV, NV, đúng theo năng lực sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo các quyền lợi khác theo quy định. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh ATTP, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ...

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược và phát triển giai đoạn 2021-2026 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục (Điều 23, Luật Giáo dục số: 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Pa Thơm; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như đội ngũ CBQL, GV, NV, học sinh [H1-1.1-01].

Chiến lược phát triển của nhà trường được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt và triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-02].

Nhà trường làm tốt công tác công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển theo từng năm học tới toàn thể CBQL, GV, NV trong hội nghị cán bộ công chức đầu năm và được niêm yết

trên bảng tin, được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [1.1-03]; [1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược phát triển. Hội đồng trường chịu trách nhiệm giám sát về các hoạt động của nhà trường đảm bảo mục tiêu phát triển giáo dục: giám sát các hoạt động của trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội; Hội đồng trường quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế về tổ chức hoạt động của trường; Quyết nghị đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết nghị về cơ cấu và phương hướng đầu tư phát triển của trường [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Hàng năm học, nhà trường rà soát Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026, định hướng đến năm 2030 để xây dựng kế hoạch phát triển theo từng năm học; kịp thời bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên Hội đồng trường, CBQL, GV, NV thông qua Hội nghị công nhân viên chức đầu năm học, có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp phụ huynh học sinh [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển theo giai đoạn, Kế hoạch phát triển theo năm học phù hợp với mục tiêu GDMN, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, được phòng GD&ĐT phê duyệt và niêm yết công khai; định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu: không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển theo giai đoạn, Kế hoạch phát triển nhà trường theo năm học phù hợp với mục tiêu của giáo dục mầm non và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tiếp tục làm tốt công tác công khai phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của nhà trường bằng hình thức niêm yết trên bảng tin, đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị, trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1: Hội đồng nhà trường gồm 09 thành viên, được thành lập theo Quyết định số 2859/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên về việc công nhận Hội đồng Trường Mầm non xã Pa Thơm nhiệm kỳ 2021-2026; được kiện toàn theo Quyết định số 2608/QĐ-UBND, ngày 30/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên về việc bổ sung thành viên Hội đồng trường Trường Mầm non xã Pa Thơm, nhiệm kỳ 2021-2026. Các Hội đồng khác được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng Trường Mầm non xã Pa Thơm: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 7 thành viên; Hội đồng chấm sáng kiến gồm 5 thành viên; Hội đồng thẩm định chương trình giáo dục nhà trường gồm 5 thành viên... [H1-1.1-06]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 09, Điều 11 của Điều lệ Trường Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT. Hội đồng trường thực hiện quyết nghị về mục tiêu chiến lược các dự án, phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường; quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường, giới thiệu người để bổ nhiệm làm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua. Hội đồng chấm sáng kiến giúp Hiệu trưởng đánh giá sáng kiến của cán bộ quản lý, giáo viên. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi giúp Hiệu trưởng đánh giá năng lực chuyên môn của giáo viên. Hội đồng thẩm định chương trình giáo dục nhà trường có nhiệm vụ thẩm định rà soát chương trình nhà trường đảm bảo phù hợp với trẻ, phù hợp điều kiện địa phương để đưa vào thực hiện [H1-1.1-06]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Hội đồng trường định kỳ, rà soát, đánh giá hoạt động của nhà trường họp thường kỳ ít nhất 3 lần trong năm vào đầu năm học và cuối học kỳ I, cuối học kỳ II để đề ra phương hướng hoạt động trong năm học và đánh giá kết quả sau khi thực

hiện. Các hội đồng khác thực hiện theo quyết định của Hiệu trưởng [H1-1.1-06]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ của nhà trường như: Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và phương hướng phát triển của nhà trường; xây dựng chương trình nhà trường phù hợp với mục tiêu chung của chương trình quốc gia, điều kiện thực tế và thể hiện tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, mong đợi riêng của nhà trường; thường xuyên tham mưu với chính quyền, các đoàn thể địa phương, tích cực tuyên truyền tới các bậc phụ huynh nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc giáo dục. Đảm bảo công tác xã hội hoá, huy động nguồn lực, vật lực tiếp tục duy trì chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.1-06]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định. Các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ Trường Mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ.

3. Điểm yếu: không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục kiện toàn các hội đồng, duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác trong việc góp phần nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Chi bộ độc lập gồm 06 đảng viên, được Đảng ủy xã Pa Thơm ra Quyết định số 36-QĐ/ĐU ngày 05 tháng 8 năm 2022 chuẩn y công nhận Bí thư chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025. Công đoàn gồm 15 đoàn viên, Ban chấp hành Công đoàn gồm 3 thành viên (có Chủ tịch và các ủy viên). Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 08 đoàn viên, có Bí thư chi đoàn [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy định: Chi bộ Đảng hoạt động theo Điều lệ Đảng, công đoàn hoạt động theo Điều lệ công đoàn Việt Nam và chi đoàn thanh niên hoạt động theo Điều lệ đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo nhiệm kỳ, năm, tháng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Các hoạt động của tổ chức đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá: Đảng bộ xã kiểm tra, giám sát hoạt động của chi bộ; BCH xã đoàn kiểm tra, đánh giá các hoạt động của chi đoàn thanh niên; Liên đoàn Lao động huyện Điện Biên kiểm tra, đánh giá, xếp loại công đoàn cơ sở [H1-1.3-06].

Mức 2:

Chi bộ Trường Mầm non xã Pa Thơm hoạt động theo Quy định của Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam; năm 2024 được Đảng ủy xã Pa Thơm xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-07].

Các tổ chức, đoàn thể thường xuyên phối hợp thực hiện tốt các hoạt động trong nhà trường như: Lễ khai giảng; Hội nghị viên chức, người lao động; Tết Trung thu; Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp; Hội thi, giao lưu các cấp của trẻ hằng năm; Tổ chức trải nghiệm gói bánh chưng đón Tết... góp phần tích cực nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường thực hiện tốt các hoạt động phong trào, chăm lo đời sống CBQL, GV, NV và vận động đóng góp các loại quỹ: Quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, ủng hộ lũ lụt, đóng góp xây dựng nông thôn mới; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện: mỗi năm có từ 01 đến 03 đồng chí tham gia hiến máu tình nguyện... [H1-1.3-11].

Mức 3:

Tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật và thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản; trong những năm qua được Đảng ủy xã Pa Thom đánh giá đạt chi bộ hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-07].

Các tổ chức, đoàn thể của nhà trường hằng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường: Chi bộ lãnh đạo mọi hoạt động; Đoàn TNCSHCM chủ đạo các hoạt động phong trào văn nghệ, thể thao; Công đoàn chủ đạo các hoạt động tuyên truyền vận động, quyên góp, ủng hộ từ thiện nhân đạo [H1-1.3-01]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

2. Điểm mạnh

Trường có các tổ chức, đoàn thể như: Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy định và thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá. Các tổ chức, đoàn thể có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Chi bộ được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và các tổ chức khác theo quy định. Các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường. Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đoàn viên ưu tú kết nạp Đảng để tăng số lượng đảng viên trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023, hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

Nhà trường có tổ chuyên môn mẫu giáo ghép - nhà trẻ 12 đồng chí, tổ văn phòng có 4 đồng chí. Tổ chuyên môn có tổ trưởng và tổ phó; tổ văn phòng có 1 tổ trưởng và các nhân viên làm công tác y tế trường học, văn thư, kế toán, bảo vệ, theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Các tổ xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng, tuần; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá viên chức; tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ hai tuần một lần theo quy định [H1-1.4-04].

Mức 2:

Tổ chuyên môn căn cứ vào Kế hoạch phát triển nhà trường theo năm học và tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thực tế của giáo viên: chuyên đề tăng cường Tiếng Việt, chuyên đề lễ giáo, chuyên đề phối hợp với cha mẹ học sinh trong công tác chăm sóc trẻ, chuyên đề phát triển năng lực giáo viên như: LQCC: “Làm quen chữ h, k”... Qua việc tổ chức các tiết chuyên đề đã giúp thúc đẩy chất lượng chuyên môn trong nhà trường ngày càng đi lên. Các chuyên đề tổ đã đề xuất trong năm học 2024-2025

như: Trao đổi thảo luận Hướng dẫn, thực hành chữ ký số, trang trí, Tổ chức HĐ ứng dụng tiếp cận steam, Stem; các bước tổ chức theo quy trình 5E; trao đổi thảo luận về cách tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thí nghiệm, rèn kỹ năng; lồng ghép quyền con người (Kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ); cách thực hiện lồng ghép TCTV trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong các hoạt động ở trường.

s; Trao đổi về việc ứng dụng CNTT trong việc giảng dạy, cách cắt ghép nhạc, cắt ghép video, bài giảng điện tử; cách tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non; cách xử trí khi trẻ bị đuối nước, bong gân, chấn thương phần mềm, bị ong đốt, bọ cạp cắn... [H1-1.4-04].

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, được Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng định kỳ rà soát kiểm tra theo từng tháng từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tham mưu tổ chức các tiết chuyên đề, xây dựng khâu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của giáo viên, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-04].

Tổ chuyên môn triển khai thực hiện hiệu quả các chuyên đề đã đề xuất với nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng NDCSGD trẻ [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, cán bộ quản lý có năng lực quản lý, điều hành các hoạt động. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được tổ chức theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non và đề xuất, thực hiện tốt các chuyên đề. Hằng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ. Định kỳ thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường góp phần thúc đẩy hoạt động của các tổ và các CBQL, GV, NV.

3. Điểm yếu:

Nhà trường thiếu 01 Phó Hiệu trưởng theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức theo quy định, chỉ đạo tổ chuyên môn chủ động tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề theo nghiên cứu bài học, đổi mới nội dung sinh hoạt chuyên môn, dành thời gian trao đổi thảo luận đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy...; tổ văn phòng thực hiện các hoạt động của nhà trường về chăm sóc, dinh dưỡng, giúp Hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tiếp tục kiểm tra đột xuất và định kỳ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ Trường Mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học vừa qua, do số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ Trường Mầm non nên nhà trường bố trí các lớp mẫu giáo ghép nhiều độ tuổi và nhóm trẻ. Số lượng trẻ trong mỗi lớp và nhóm trẻ đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non. Năm học 2024-2025 nhà trường có 7 nhóm, lớp với 81 học sinh (02 nhóm trẻ 16 học sinh, 5 lớp mẫu giáo ghép 3,4,5 có 65 học sinh) [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều không vượt quá quy định. Năm học 2024-2025 nhà trường có 7 nhóm, lớp/81 trẻ, nhà trường đã

bố trí ở điểm trung tâm và điểm trường là các lớp ghép, cụ thể: Trung tâm 1 nhóm trẻ 18-24 tháng 11 học sinh, 1 lớp mẫu giáo ghép 25 học sinh; điểm trường Huồi Mòi 1 lớp MG ghép 7 học sinh; điểm trường Pa thom 1 một lớp MG ghép có 10 học sinh, điểm trường Púng Bon 1 lớp MG ghép có 11 học sinh, 01 nhóm trẻ có 05 học sinh; điểm trường Xa Công 1 lớp MG ghép có 12 học sinh) [H1-1.5-02].

Mức 3:

Nhà trường không vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường không vượt quá số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non. 100% trẻ học 2 buổi trên ngày, không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

3. Điểm yếu: Các nhóm lớp mẫu giáo của nhà trường không được phân chia độ tuổi theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non, 5/5 lớp mẫu giáo đều là lớp ghép.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0-2 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm lớp theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.*

Mức 2:

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật Lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý chuyên môn; Hồ sơ quản lý trẻ em; Sổ theo dõi công văn đi, công văn đến; Hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài chính; Hồ sơ quản lý nhân sự; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.4-04]; [H1-1.5-01]; [H1-1.6-01]; [1.6-02]; [H1-1.6-03]; [1.6-04].

Nhà trường lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định, định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và các quy định hiện hành [1.6-02]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm Misa phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, phần mềm phổ cập và cơ sở dữ liệu trong các hoạt động [1.6-02].

Nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản [H1-1.6-06].

Mức 3

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn như: Dự toán thu, chi các loại quỹ của nhà trường trong các năm học; Kế hoạch vận động tài trợ năm học 2024-2025; Kế hoạch giao ngân sách nhà nước cho nhà trường hằng năm của Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên; Báo cáo “Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030”; Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026 của Trường Mầm non xã Pa Thơm... để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện của địa phương [H1-1.1-01]; [1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản; lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản

lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm tra. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục; sử dụng đất đai được cấp đúng mục đích; khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 nhà trường tiếp tục rà soát, sắp xếp hệ thống hồ sơ khoa học, đúng Luật lưu trữ, tiếp tục duy trì và làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Sử dụng có hiệu quả hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn tham mưu với phòng GD&ĐT để xây dựng kế hoạch giao ngân sách nhà nước tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và nhân viên; mỗi cán bộ quản lý, giáo viên đều có kế hoạch tự bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị [H1-1.7-03].

100% CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29,

Điều lệ Trường Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT như: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn; được hưởng lương phụ cấp và các chế độ khác theo quy định; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định; được bảo vệ nhân phẩm danh dự và được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật: Quyền xây dựng nhà ở, quyền bình đẳng nam nữ, quyền hôn nhân và gia đình, quyền được hưởng chế độ bảo vệ về sức khỏe, quyền được học tập, lao động [H1-1.3-09]; [1.6-02].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp cụ thể phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo; Tăng cường công tác tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh theo quy định [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn theo quy định; đã sử dụng nhiều biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của đơn vị. 100% giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định. Nhà trường phát huy năng lực quản lý, giáo viên và nhân viên, phân công cụ thể rõ ràng, hợp lý, phù hợp tạo điều kiện cho cán bộ, quản lý giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; thường xuyên rà soát phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ để có điều chỉnh kịp thời. Quán triệt CBGVNV tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị do các cấp tổ chức. Thực hiện có hiệu quả, đúng kế hoạch về nội dung bồi dưỡng của nhà trường nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV. Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, duy trì đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL, GV,

NV theo quy định.

5. Tự đánh giá: Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT ban hành để xây dựng Chương trình giáo dục Nhà trường phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương; giúp trẻ phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ; rèn luyện những kỹ năng cần thiết, phù hợp với từng lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng vốn có của trẻ, bước đầu hình thành nhân cách và tâm thế cho trẻ, đặt nền tảng vững chắc cho việc học tập của trẻ ở những bậc học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời. Các nhóm, lớp có Kế hoạch giáo dục trẻ theo năm học, tháng/chủ đề, tuần và ngày theo quy định của Chương trình GDMN [H1-1.8-01].

Chỉ đạo giáo viên các nhóm, lớp xây dựng đầy đủ Kế hoạch hoạt động giáo dục và thực hiện đầy đủ, hiệu quả các hoạt động NDCSGD trẻ theo quy định của Chương trình GDMN [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04].

Công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục được thực hiện thường xuyên và có điều chỉnh phù hợp với đối tượng trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ ở các nhóm, lớp. Nhà trường, tổ chuyên môn định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế từng nhóm lớp và đối tượng trẻ em [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả như: Xác định là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, các tổ chuyên môn, đây là một trong các nội dung được đưa vào kế hoạch kiểm tra nội bộ của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của Nhà trường bám sát Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành và phù hợp với thực tế địa phương. Giáo viên triển khai thực hiện thống nhất giữa kế hoạch của nhà trường với kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp và phù hợp với điều kiện của từng nhóm, lớp. Công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục được thực hiện thường xuyên và có điều chỉnh phù hợp với đối tượng trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ ở các nhóm, lớp.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo giáo viên làm tốt hơn nữa việc xây dựng kế hoạch giáo dục, triển khai có hiệu quả phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế; đánh giá quá trình và kết quả thực hiện chương trình giáo dục để điều chỉnh kịp thời. Tăng cường tổ chức các buổi thảo luận sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, tham gia các lớp tập huấn chuyên môn của Phòng GD&ĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Quy chế dân chủ trong nhà trường được thực hiện tốt. Tập thể CBQL, GV, NV trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức như: Các mục tiêu, nhiệm vụ phương hướng phát triển nhà trường, hệ thống các giải pháp, các nội quy, quy định như: Quy chế dân chủ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản, quy chế ứng xử trường học, quy chế chuyên môn... [H1-1.1-05]; [H1-1.9-01].

Nhà trường thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác [H1-1.3-09].

Nhà trường có báo cáo với Phòng GD&ĐT, UBND xã Pa Thơm về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị [H1-1.9-02].

Mức 2:

Ban thanh tra nhân dân của nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng NDCSGD, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách CBQL, GV, NV và kết quả xã hội hóa một cách công khai, minh bạch trên bảng công khai, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được chú trọng, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị; có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của CBQL, GV, NV trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động. Có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường theo quy định: Lấy ý kiến dân chủ, lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải quyết.

5. Tự đánh giá: Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh ATTP; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống chất, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện ATTP;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) CBQL, GV, NV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh ATTP; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án vệ sinh ATTP; Phương án phòng chống tai nạn thương tích; Phương án phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy; Phương án an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; Phương án phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; Phương án phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường. Hằng năm nhà trường đều ký cam kết với Phòng Y tế đảm bảo an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [1.10-08].

Nhà trường có hộp thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng 0917067838 để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên phụ huynh học sinh, của người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến; đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-09].

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-10].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm; Phương án phòng chống tai nạn thương tích; Phương án an toàn, phòng chống cháy nổ; Phương án an toàn phòng, chống thảm

hỏa, thiên tai; Phương án phòng chống dịch bệnh; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn, qua hệ thống bảng tuyên truyền; phối hợp với Công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường, tổ chức cho CB, GV, NV tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.10-10].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học trường không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường [H1-1.10-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh ATTP; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống chất, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường theo quy định. Các phương án được phổ biến, hướng dẫn toàn thể CBQL, GV, NV, học sinh, thực hiện hiệu quả. Nhà trường có hòm thư góp ý để ở nơi thuận tiện cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến; có đường dây nóng để kịp thời tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân; thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả; không có trẻ bị kỳ thị, bạo lực và bị những hành vi vi phạm pháp luật khác.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục triển khai, phổ biến thực hiện hiệu quả các phương án để đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, phối kết hợp chặt chẽ với công an xã và bộ đội biên phòng để đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường, mua sắm bổ sung thiết bị phòng cháy, chữa cháy trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2021-2026 và được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ theo từng năm học; có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non; chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định và Điều lệ của từng tổ chức; có Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Trường có 02 nhóm trẻ, 05 lớp mẫu giáo ghép đảm bảo số lượng theo quy định,

được bố trí thành các nhóm, lớp ghép phù hợp với tình hình, điều kiện địa phương và học 2 buổi/ngày. Hệ thống hồ sơ đầy đủ và được lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ, hằng năm quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV. Phân công, sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng NDCSGD trẻ đạt hiệu quả. Thực hiện tốt quy chế dân chủ và đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 1: 10 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí*

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ NDCSGD trẻ theo Chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của nhà trường có trình độ chuyên môn Đại học, có bằng Trung cấp Lý luận Chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Đội ngũ CBQL, GV, NV thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại Khá, Phó Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại Tốt theo chuẩn NNGVMN. Đội ngũ CBGVNV được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân; được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hàng năm. Không có CBQL, GV, NV vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

b) *Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng đều đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy định tại Điều 10 Điều lệ Trường Mầm non; có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non: Hiệu trưởng 30 năm, Phó Hiệu trưởng 17 năm. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều tốt nghiệp Đại học Sư phạm Mầm non, đã hoàn thành bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, đủ sức khỏe và năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01].

Năm học 2022-2023 cán bộ quản lý tự đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn [H2-2.1-02].

CBQL được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp... [H2-2.1-03].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng từ mức khá trở lên [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-01]; [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn Phó

Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, năm học 2022-2023 tự đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng mức tốt [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo; tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt mức khá trở lên; năm học 2022-2023 tự đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng mức tốt [H2-2.1-02].

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; duy trì tốt ý thức tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường phấn đấu đạt mức tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2023-2024 nhà trường có 10 giáo viên, tỷ lệ 1,4 giáo viên/lớp, đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng thực hiện Chương trình GDMN theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.6-03].

100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó Đại học: 9; Cao đẳng: 1 [H2-2.2-01].

Năm học 2023-2024 nhà trường có 80% giáo viên được xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, trong đó xếp loại khá 2/10 đạt 20%, xếp loại tốt 6/10 đạt 60% [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó 9/10 đạt 90% giáo viên có trình độ trên chuẩn, tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên xếp loại đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên; cụ thể: năm học 2020-2021 xếp loại tốt: 2/9 đạt 22,2%, xếp loại khá: 6/9 đạt 66,7%, xếp loại đạt: 1/9 đạt 11,1%; năm học 2021-2022: tốt: 3/10 đạt 30%, khá: 5/10 đạt 50%, đạt: 2/10 đạt 20%; năm học 2022-2023 tự xếp loại khá 6/10 đạt 60%, tốt 4/10 đạt 40%; năm học 2023-2024 xếp loại khá 2/10 đạt 20%, tốt 6/10 đạt 60%; [H2-2.2-02]; .

Nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-09].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 90% giáo viên có trình độ trên chuẩn [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 8/10 đạt 80%, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên; trong đó năm học 2023-2024 có 6/10 giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp mức tốt đạt tỷ lệ 60% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo. Hằng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Từ năm học 2020-2021 đến thời điểm đánh giá nhà trường có 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

Nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo tiếp tục làm tốt công tác đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp. Tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tạo điều kiện cho 02 giáo viên có trình độ cao đẳng tham gia học đại học tại chức.

Nâng cao chất lượng thực hiện các chuyên đề chuyên môn, chất lượng bồi dưỡng giáo viên để tăng tỉ lệ xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên loại khá, tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do

Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 04 nhân viên (kể cả biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ và hợp đồng ngắn hạn). Trong đó: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên nấu ăn [H1-1.6-03]; [H2-2.3-01].

Các nhân viên trong nhà trường được Hiệu trưởng phân công công việc rõ

ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng đồng chí [H1-1.7-03].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường và hằng năm đều được Hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.2-02]; [H2-2.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có 04 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ và hợp đồng ngắn hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Số lượng nhân viên nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định còn thiếu 01 nhân viên nấu ăn, do số lượng học sinh ở các điểm trường có ít, nhân dân đời sống còn khó khăn nên không thể huy động đóng góp thuê người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Hiện tại trường đang thực hiện xã hội hóa giáo dục bố trí phụ huynh tại các điểm bản thay nhau đến nấu ăn cho trẻ [H1-1.6-03]; [H1-1.1-07].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-09]; [H2-2.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ, nhân viên kế toán trình độ đại học, nhân viên y tế có trình độ trung cấp theo chuyên môn được giao [H2-2.3-02].

Nhân viên được bồi dưỡng về chính trị, nhân viên y tế, nhân viên nấu ăn, kế toán, phụ trách công tác bán bán trú được bồi dưỡng công tác VSATTP, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 04 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng; thực hiện phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động phù hợp với trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, năng lực làm việc thực tế của mỗi cá nhân và điều kiện thực tế của trường. 100% nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật. Hằng

năm, 100% nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

3. Điểm yếu: Các điểm bản chưa có nhân viên nấu ăn, phụ huynh thay nhau nấu ăn cho học sinh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tham mưu duy trì số lượng nhân viên hiện có; phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế của mỗi nhân viên; tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kết hợp với việc tự học tự bồi dưỡng để thực hiện nhiệm vụ được giao. Nhà trường phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh vận động các bậc phụ huynh ủng hộ kinh phí để hợp đồng thêm nhân viên nấu ăn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Nhà trường có CBQL, GV, NV đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có bằng đại học sư phạm, có nhiều năm công tác liên tục trong ngành giáo dục, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tục đến thời điểm được đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng từ khá trở lên; 90% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Năm học 2023-2024 nhà trường có 80% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên trong đó tỷ lệ giáo viên xếp loại tốt chuẩn nghề nghiệp đạt 60%.

Các nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Giáo viên và nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật. Hiện tại trường còn thiếu nhân viên nấu ăn tại các điểm trường, nhà trường đang làm công tác xã hội hóa vận động phụ huynh các điểm trường thay nhau nấu ăn cho trẻ.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 3 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường là yếu tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ NDCSGD trẻ. Chính vì lẽ đó nhà trường luôn quan tâm đến việc mua sắm trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa. Có cổng trường, biển tên trường, tường xây và hàng rào lưới B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài; có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động NDCSGD trẻ, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh; có vườn cây cho trẻ chăm sóc; có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Trường có đủ các phòng sinh hoạt chung, có 7 phòng ngủ, có phòng đa chức năng, đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác NDCSGD trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng bán kiên cố và được vận hành đúng theo quy trình bếp 1 chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Các phòng hành chính - quản trị có đủ số lượng với các thiết bị tối thiểu đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***Mức 1:***

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi

ngoài trời cho Giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có tổng diện tích 4.246,1 m². Trong đó, điểm trường Trung tâm 1.753,7 m², điểm trường Buôm En 495,7 m², điểm trường Huổi Moi 268 m², điểm trường Xa Công 615,8 m², điểm trường Púng Bon 538 m², điểm trường Pa Thơm 574,9 m². Tổng số trẻ toàn trường là 81 trẻ, bình quân là 45,7m²/trẻ [H3-3.1-01].

Trung tâm và các điểm trường đều có cổng trường, biển tên trường theo quy định tại Điều 7 Điều lệ Trường Mầm non. Trung tâm và điểm trường Xa Công, Púng Bon có tường xây, các điểm trường Pa Thơm, Buôm En hàng rào xây móng gạch, cột sắt, lưới B40; điểm trường Huổi Moi hàng rào bao quanh bằng thép B40 cột sắt chưa xây chân móng. Các sân chơi được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, trồng cây, hoa phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02].

Trường có đủ sân chơi, hiên chơi, hành lang cho các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định. Sân chơi chung được quy hoạch và thiết kế phù hợp đảm bảo an toàn cho tất cả trẻ được sử dụng. Có trồng cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ hoạt động. Sân chơi điểm trường Púng Bon nhiều chỗ bị hỏng, lún, nứt, vỡ [3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non, trong đó diện tích xây dựng công trình là 985 m² (chiếm 23,2%); diện tích sân chơi bãi tập, vườn cây là 3263,2 m² (chiếm 76,8%) đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-04].

Khuôn viên trường đều có tường xây hoặc có hàng rào thép B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài, đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập (vườn cây học tập, vườn rau của bé, trải nghiệm chơi với cát và nước...) [3.1- 02].

Tất cả khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 4/9/2012 ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non, khu vực trẻ chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có tường, hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn ngăn cách với bên ngoài [3.1-02]; [H1-3.1-03].

Mức 3:

Sân chơi có khu vực hoạt động riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Sân chơi khu trung tâm rất nắng, khu để đồ chơi của trẻ không có cây bóng mát hay mái che. Về thiết bị, đồ chơi ngoài trời: Điểm trung tâm có 7 loại (Bập bênh, cầu trượt, nhà bóng, mâm xoay thú, thú nhún, xe đạp, xích đu...), điểm trường Xa Công có 5 loại đồ chơi (Bập bênh, xích đu, thú nhún, xe đạp, cầu trượt), điểm trường Púng Bon có 5 loại đồ chơi (Bập bênh; xích đu; thú nhún, xe đạp, cầu trượt), điểm trường Pa Thom có 5 loại đồ chơi (Cầu trượt, bập bênh, xích đu, xe đạp, thú nhún); điểm trường Huổi Moi có 5 loại đồ chơi (Xích đu; bập bênh, xe đạp, thú nhún, cầu trượt). CBQL, GV, NV phối hợp với phụ huynh làm thêm đồ chơi tự tạo như: bàn ghế bằng lốp xe, trò thang hái quả.... cho trẻ mẫu giáo trải nghiệm, vui chơi; Đồ chơi nhồi bông, tập cài cúc, vặn nút, lắp nút chai... các đồ chơi vận động tinh rèn cơ ngón tay cho trẻ nhà trẻ [1.6-02]; [H3-3.1-05]; [H3-3.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu đảm bảo cho trẻ đảm bảo theo quy định. Có đầy đủ công, biển tên trường, khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Điểm trường Huổi Moi làm hàng rào bao quanh bằng thép B40 cột gỗ chưa xây chân móng. Sân chơi khu trung tâm rất nắng, khu để đồ chơi của trẻ không có cây bóng mát hay mái che. Sân chơi điểm trường Púng Bon một số chỗ bị hỏng, lún, nứt, vỡ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục bảo quản và sử dụng có hiệu quả các công trình xây dựng, các thiết bị và đồ dùng đồ chơi ngoài trời. Thường xuyên có kế hoạch bổ sung và chăm sóc cắt tỉa bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp giúp trẻ có nhiều cơ hội học tập, trải nghiệm và khám phá. Nhà trường sẽ dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên, nguồn 60% cấp bù học phí và tiếp tục tham mưu Phòng giáo dục cấp bổ sung kinh phí để làm mái che khu vui chơi trung tâm; Dự kiến kinh phí 120.000.000đ. Tham mưu Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên sử dụng nguồn kinh phí thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia để cải tạo điểm trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***Mức 1:*

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

Nhà trường có 7 phòng học/7 nhóm, lớp (trong đó 02 phòng cho nhóm trẻ 18-24 tháng; 06 phòng cho lớp mẫu giáo) [3.1-02].

Nhà trường có 7 phòng sinh hoạt chung trong đó có 05 phòng xây dựng kiên cố, 02 phòng xây dựng bán kiên cố, có 04 phòng ngủ tại điểm trung tâm, và các điểm trường Xa Cuông, Pa Thom, Huổi Moi (Trong đó có 01 phòng ngủ xây dựng kiên cố và 03 phòng xây dựng bán kiên cố); 5/5 điểm trường có khu để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ; có 01 phòng đa chức năng phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật và các hoạt động thể chất cho trẻ [3.1-02]; [H3-3.1-04].

7/7 nhóm, lớp có hệ thống đèn điện đủ ánh sáng, hệ thống quạt điện đầy đủ, tuy nhiên trong đó còn 01 điểm trường Xa Cuông chưa có điện lưới quốc gia. Các nhóm lớp có tủ đựng đồ cá nhân của trẻ và tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp [1.6-02].

Mức 2:

Trung tâm và 05 điểm trường đều có đủ phòng sinh hoạt chung diện tích 2,7m²/trẻ. Các lớp trong trường có phòng ngủ riêng bảo diện tích (bình quân 1,2 m²/trẻ) thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, phòng ngủ có đủ phản, chiếu, chăn, gối, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng đa chức đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non để tổ chức cho trẻ với nhiều các thiết bị như đàn, gương, giống múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc và đồ dùng phục vụ cho trẻ trong hoạt động phát triển thể chất [3.1-02]; [1.6-02].

7/7 nhóm, lớp trong nhà trường có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng cá nhân, tài liệu đầy đủ, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non [1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường có 01 phòng đa chức năng thực hiện theo kế hoạch hoạt động và giao giáo viên chủ nhiệm phụ trách hướng dẫn trẻ hoạt động [3.1-02].

Nhà trường không có phòng cho trẻ làm quen ngoại ngữ và tin học

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo về diện tích, có 04 phòng ngủ riêng bảo đảm diện tích (bình quân 1,2 m²/trẻ); có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có phòng đa chức năng phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật và các hoạt động thể chất cho trẻ đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục bảo quản, sử dụng có hiệu quả các phòng, lớp học, đồ dùng, đồ chơi hiện có; thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học, có kế hoạch bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng đa chức năng của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho CBQL, GV, NV được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho CBQL, GV, NV có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các loại phòng theo quy định tại Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục: có 01 văn phòng trường; phòng Hiệu trưởng và phòng Phó Hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; có khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên; khu để xe [3.1-02]; [H3-3.1-04].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, các bảng biểu, trang thiết bị cho CBQL, GV, NV họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, tranh ảnh tuyên truyền và đồ dùng theo dõi sức khỏe; phòng hành chính quản trị; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên có đồ dùng, thiết bị như: bàn ghế làm việc, tủ, máy tính...[1.6-02].

Trung tâm trường có khu để xe dành cho CBQL, GV, NV được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, khoa học; các điểm trường có chỗ để xe [3.1-02].

Mức 2:

Văn phòng trường được xây dựng kiên cố có diện tích 42m²; phòng Hiệu trưởng có diện tích 21m², phòng Phó Hiệu trưởng có diện tích 21m², phòng hành chính- quản trị có diện tích 21m²; phòng bảo vệ có diện tích 6m²; phòng dành cho nhân viên có diện tích 21m², phòng y tế có diện tích 21m², các phòng được xây dựng kiên cố đủ diện tích đảm bảo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non [H3-3.1-04].

Khu để xe dành cho CBQL, GV, NV có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, khu để xe trung tâm có diện tích 60m² các điểm trường được bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích cho xe của giáo viên [3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường có các phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị: Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng hành chính- quản trị, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, phòng y tế, có nhà để xe cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Các phòng được xây dựng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non; chưa có hội trường để phục vụ các hoạt động chung.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn phòng; phòng Hiệu trưởng; phòng Phó Hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên. Các phòng đảm bảo diện tích theo quy định tại điều lệ Trường Mầm non; có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có hội trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng hành chính- quản trị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Tự đánh giá: đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a, Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh ATTP;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các bếp ăn được xây dựng kiên cố ở Púng Bon và bán kiên cố tại trung tâm và Xa Cuông, Pa Thơm, Huổi Moi [3.1-02].

Nhà trường có kho chứa thực phẩm có các kệ để phân chia thực phẩm thành khu vực riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh ATTP như cách mặt đất 20 cm, cách tường 10 cm, có cửa sổ thoáng được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, dễ để, dễ lấy [1.6-02]; [3.1-02].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [1.6-02]; [H3-3.4-01].

Mức 2:

Nhà trường có 05 bếp ăn với tổng diện tích 107,5m², bình quân trên trẻ là 1,2 m²/trẻ. Nhà bếp trung tâm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, nhà ăn được sắp xếp và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều.

Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: nồi cơm điện (ở trung tâm và điểm trường Púng Bon, Pa Thơm, Huổi Moi), bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh ATTP. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày. Nhà bếp các điểm trường được sắp xếp theo quy trình một chiều, có đầy đủ đồ dùng vật dụng chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh ATTP. Các nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh [H3-3.4-01]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

05 bếp ăn được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, độc lập với khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi; được sắp xếp hoạt động một chiều, hợp vệ sinh với tổng diện tích 119,5m², bình quân trên trẻ là 1,2 m²/trẻ. Khu sơ chế và chế biến thực phẩm thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn; khu chia thức ăn có cửa mở trực tiếp với hành lang chung để tới các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Các bếp ăn ở điểm trường Xa Cuông, Púng Bon, Pa Thơm, Huổi Moi chưa có kho lương thực và kho thực phẩm [3.1-02]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố, bán kiên cố đủ diện tích và hoạt động theo quy trình một chiều, bếp trung tâm có kho để dự trữ thực phẩm được phân chia theo từng khu vực để thực phẩm riêng biệt. Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường, có đủ đồ dùng để làm vệ sinh và khử trùng. Trung tâm và các điểm trường lẻ có đủ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh. Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non.

3. Điểm yếu

Các bếp ăn ở các điểm trường Xa Cuông, Púng Bon, Pa Thơm, Huổi Moi chưa có kho lương thực và kho thực phẩm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có kế hoạch tu sửa, thay thế, huy động các nguồn xã hội hóa bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp, đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, NDCSGD;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN [1.6-02]; [H3-3.1-05].

Nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [3.1-02].

Các thiết bị của nhà trường được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại các điểm trường, nhóm, lớp [H3-3.1-05].

Mức 2:

100% máy tính khu trung tâm và điểm trường Púng Bon, Pa Thơm được kết nối Internet, Wifi phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học tuy nhiên còn điểm trường Xa Công chưa có điện, điểm trường Huổi Moi chưa có sóng điện thoại nên việc khai thác, sử dụng các thiết bị điện tử chưa hiệu quả [3.5-01].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non. Tính đến thời điểm đánh giá, số bộ thiết bị là 7 bộ/7 nhóm, lớp. Trong đó khối mẫu giáo 5 tuổi có 05 bộ; khối nhà trẻ 02 bộ [1.6-02].

Nhà trường được phòng GD&ĐT cấp bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN. Chỉ đạo các nhóm lớp làm đồ dùng đồ chơi phục vụ cho các hoạt động giáo dục, phù hợp và an toàn cho trẻ [3.1-02]; [1.6-02].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tại các điểm trường, các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt. Thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng NDCSGD trẻ [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm nhà trường tổ chức làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ. 100% các máy tính ở trung tâm và điểm trường Púng Bon, Pa Thơm được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hằng năm nhà trường tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, cơ sở vật chất và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu

Điểm trường Xa Công chưa có điện, điểm trường Huổi Moi chưa có sóng điện thoại nên việc khai thác, sử dụng các thiết bị máy tính chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục hướng dẫn giáo viên tuyên truyền tới các bậc phụ huynh cùng với giáo viên làm đồ chơi tự tạo; tham mưu với các cấp bổ sung, thay thế đảm bảo đủ số lượng đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ của 7/7 nhóm, lớp đảm bảo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 8 phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV tại trung tâm và các điểm trường (trung tâm và điểm trường Púng Bon được xây dựng kiên cố; các điểm trường Huổi Moi, Pa Thom, Xa Công bán kiên cố) phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và trẻ khuyết tật sử dụng được thuận lợi. Công trình vệ sinh điểm trường Púng Bon sàn mái đã thấm ẩm mốc; Ống thoát nước mái nứt vỡ, hư hỏng; cửa đi hỏng [3.1-02].

Nhà trường có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [3.6-01]; [H3-3.6-02].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng [3.6-01].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ đảm bảo 0,4 m²/trẻ, có vòi nước rửa tay, có chỗ đi tiêu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái, bệ có nắp đậy; có vòi rửa tay và ghế ngồi bô cho trẻ nhà trẻ (khu trung tâm được xây dựng liền kề với lớp học); Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên 21m² có khu riêng dành cho nam và nữ, thiết kế xây dựng phù hợp cảnh quan đảm bảo vệ sinh môi trường [3.1-02].

Nhà trường sử dụng nguồn nước đã được kiểm định chất lượng hàng năm; hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ y tế như: có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [3.6-01]; [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được xây dựng đảm bảo theo Điều lệ

Trường Mầm non, phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu:

Công trình vệ sinh điểm trường Púng Bon sàn mái đã thấm ẩm mốc; Ống thoát nước mái nứt vỡ, hư hỏng; cửa đi hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì bảo dưỡng hệ thống đồ dùng thiết bị nhà vệ sinh hiện có. Tham mưu Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên cải tạo công trình vệ sinh điểm trường Púng Bon.

5. Tự đánh giá: Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường có các công trình được xây dựng kiên cố, bán kiên cố, diện tích khuôn viên đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các phòng sinh hoạt chung và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp. Các khối lớp có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu; đồ dùng, đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày. Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng khép kín đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Trường có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng bệnh. Nhà trường kiểm kê, bảo quản và sử dụng, tu sửa, bổ sung các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động quản lý và NDCSGD trẻ. Nhà trường có khu vực để xe riêng cho khách và phụ huynh học sinh, chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học; còn điểm trường Xa Công chưa có điện, điểm trường Huổi Moi chưa có sóng điện thoại nên việc khai thác, sử dụng các thiết bị máy tính chưa hiệu quả.

Bếp ăn tại các điểm trường chưa đảm bảo theo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non. Công trình vệ sinh điểm trường Púng Bon sàn mái đã thấm ẩm mốc; Ống thoát nước mái nứt vỡ, hư hỏng; cửa đi hỏng.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 6 tiêu chí.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6.

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa gia đình-nhà trường và xã hội được chú trọng quan tâm; nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Trong những năm qua nhà trường đã chủ động phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong và ngoài xã hội để xây dựng cơ sở vật chất, tạo cảnh quan môi trường sư phạm an toàn thân thiện góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 03 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 02 Phó ban. Các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường có kế hoạch hoạt động theo năm học [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ xây dựng. Các nội dung được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có hiệu quả cao [H1-1.1-07]; [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: Huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu, tham gia hỗ trợ tổ chức các hoạt động NDCSGD trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động. Hướng dẫn tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục đối với các bậc phụ huynh như: Chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, hộ nghèo, chế độ ưu tiên đối với dân tộc đặc biệt ít người...[H1-1.10-10]; [H4-4.1-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ đã có sự phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ. Trong năm học 2023-2024 trường đã huy động được 170 công lao động của cha mẹ học sinh tuy vậy việc huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về vật lực còn hạn chế [H1-1.10-10].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp, của trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động NDCSGD trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tôn tạo tu sửa cảnh quang môi trường, trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ.

3. Điểm yếu

Việc phối hợp của Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về vật lực còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục phối hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh và các cấp ủy đảng chính quyền địa phương hỗ trợ và huy động các nguồn lực về kinh phí tu sửa cơ sở vật chất nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ. Tiếp tục hướng dẫn đội ngũ giáo viên tích cực

tuyên truyền tới cha mẹ trẻ và cộng đồng về công tác NDCSGD trẻ. Điều chỉnh quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em hàng năm cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như công tác tuyển sinh trẻ, mở rộng đất và tu sửa cơ sở vật chất các điểm trường [H4-4.2-01].

Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung, kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/đội bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày...[H1-1.10-10].

Nhà trường huy động và sử dụng nguồn lực ngày công của phụ huynh trong việc cải tạo cảnh quan môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học; năm học 2023-2024 huy động được 170 ngày công [H1-1.1-07]; [H1-1.10-10].

Mức 2:

Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng năm học và theo giai đoạn: Mở rộng diện tích đất, xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mầm non được đi học 2 buổi/ngày và ăn bán trú ở trường [H1-1.1-01]; [H4-4.2-02].

Nhà trường phối hợp với các đoàn thể ở địa phương: Đoàn Thanh niên, Đoàn Biên phòng Pa Thơm để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả như: Giao lưu văn nghệ "Mừng Đảng, mừng xuân", ngày tết Trung thu, "Lễ hội bánh chưng", trải nghiệm "Chiến sĩ nhỏ Điện Biên" [3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường đã có kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-01]; [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp với các đoàn thể ở địa phương: Đoàn Thanh niên, Đoàn Biên phòng Pa Thơm để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương tạo cho trẻ có môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo năm học, giai đoạn. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức tốt hơn nữa các hoạt động lễ hội, sự kiện, phù hợp với truyền thống của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo năm học được thành lập đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ trẻ em thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà trường tham mưu phối kết hợp

chặt chẽ tới các cấp ủy đảng chính quyền địa phương và huy động các nguồn lực để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chí Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia. Đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

Tuy nhiên việc phối hợp của Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về vật lực còn hạn chế.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 2 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ
Mở đầu:

Nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ là mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Để chất lượng giáo dục trẻ ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN; Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển hài hòa về nhân cách.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc khảo sát, đánh giá trẻ, cân, đo, phối hợp với Trạm y tế xã khám sức khoẻ định kỳ theo đúng quy định nhằm phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có kế hoạch phục hồi, phòng, chống kịp thời làm giảm suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ, duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, nâng cao chất lượng trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) *Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.*

Mức 2:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đúng kế hoạch, hướng dẫn của Bộ, Sở và Phòng giáo dục huyện Điện Biên [H1-1.8-01]. [H1-1.4-04].

Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành được nhà trường phát triển thực hiện phù hợp với quy định chuyên môn, với điều kiện thực tế của nhà trường. Căn cứ chương trình giáo dục nhà trường, giáo viên xây dựng kế hoạch năm học cho các độ tuổi và tổ chức thực hiện, phát triển chương trình phù hợp với điều kiện thực tế trường, lớp [H1-1.8-01].

Nhà trường tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình GDMN của giáo viên, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu của trẻ trong chủ đề theo từng lĩnh vực phát triển tại các nhóm lớp, chỉ đạo các nhóm lớp rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời [H1-1.4-04]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng, phù hợp với trẻ [H1-1.8-01].

Căn cứ vào chương trình khung của Bộ GD&ĐT, đơn vị trường đã xây dựng chương trình giáo dục của nhà trường phù hợp với tình hình thực tế địa phương, chỉ đạo giáo viên cốt cán xây dựng kế hoạch năm học cho các độ tuổi và tổ chức thực hiện, phát triển chương trình phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện thực tế trường, lớp, khả năng và nhu cầu của trẻ; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ tuổi [H1-1.8-01].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng chương trình giáo dục của nhà trường bám vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.8-01].

Tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ [H1-1.2-04]; [H1-1.4-04]; [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã căn cứ vào chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành lựa chọn mục tiêu, nội dung xây dựng chương trình giáo dục của nhà trường phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện của nhà trường, của nhóm lớp, đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Triển khai thực hiện, phát triển phù hợp theo quy định về chuyên môn phòng GD&ĐT các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp với thực tế của nhà trường có đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng của trẻ. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng NDCSGD.

3. Điểm yếu

Chương trình giáo dục của nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch, phát triển chương trình, lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp và có biện pháp điều chỉnh, kịp thời nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ. Đồng thời có kế hoạch thực hiện phát triển chương trình Bộ giáo dục và đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định vào tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ

Mức 1:

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chỉ đạo giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp trong tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện nhà trường, không áp đặt dập khuôn máy móc [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01].

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, trải nghiệm nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ [H1-1.4-04]; [3.1-02].

Các nhóm lớp tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ, điều kiện thực tế của nhà trường như: các hoạt động giáo dục trong và ngoài lớp học [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường có kế hoạch tổ chức cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, mang tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế như: Chăm sóc vườn rau, vườn hoa, góc thiên nhiên, quan sát sự nảy mầm của cây từ hạt, chơi trò chơi... Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan viếng đài tưởng niệm, tổ chức các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [3.1-02]; [H1-1.8-01].

Mức 3:

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tăng cường học liệu mở ở các góc chơi, khu vực chơi ở trong lớp, ngoài trời tạo cơ hội cho trẻ khám phá, sáng tạo phù hợp với điều kiện của từng điểm bản [H1-1.4-04]; [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ và đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung giáo dục nhà trường đã xây dựng. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục triển khai áp dụng có hiệu quả Chương trình GDMN phù hợp với thực tiễn trường, lớp, địa phương. Chỉ đạo giáo viên linh hoạt, sáng tạo xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm. Hướng dẫn giáo viên làm đồ dùng đồ chơi theo hướng mở bằng các nguyên liệu sẵn có tại địa phương vừa bền vừa an toàn với trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm Y tế xã Pa Thơm tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: Khám sức khỏe định kỳ, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa... [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe 02 lần/năm, đo chiều cao, cân nặng theo quy định. Năm học 2024-2025 nhà trường có tổng số 81 trẻ em, đã được kiểm tra sức khỏe định kỳ lần 1 và cân đo, theo dõi tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Kết quả: Cân nặng bình thường: 76/81 trẻ đạt 93,8%; Suy DD thể nhẹ cân: 5/81 chiếm 6,2%; Chiều cao bình thường: 78/81

trẻ đạt 96,3%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 3/81, chiếm 3,7 %; Cân nặng theo chiều dài/chiều cao: Bình thường: 80/81 trẻ đạt 98,7%; suy DD thể gầy còm: 1/81 chiếm 1,3%. Nhà trường có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi ở các lớp [5.3-03].

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch Y tế học đường, trong đó chú trọng đến kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng. Nhà trường không có trẻ béo phì. Trẻ được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp như: Có kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng, tiến hành cân đo hàng tháng, nâng cao các hoạt động chăm sóc trẻ, thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp[5.3-03]; [H5-5.3-04].

Mức 2:

Nhà trường thông qua cuộc họp phụ huynh học sinh đầu năm, các cuộc họp phụ huynh của nhóm, lớp tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ [H1-1.1-07]; [H5-5.3-05].

Nhà trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo ăn tại trường gồm một bữa chính và một bữa phụ, trẻ nhà trẻ gồm hai bữa chính và một bữa phụ, đảm bảo năng lượng phân phối cho các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu. Thực đơn của trẻ được nhà trường xây dựng theo ngày, tháng và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm, đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/3/2017 (Điều chỉnh lại điểm d khoản 2, Điều 1, Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT) [1.6-04].

100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp[5.3-03]; [H5-5.3-04].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá, tình trạng dinh dưỡng của trẻ như sau: Cân nặng bình thường: 76/81 trẻ đạt 93,8%; Suy DD thể nhẹ cân: 5/81 chiếm 6,2%; Chiều cao bình thường: 78/81 trẻ đạt 96,3%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 3/81, chiếm 3,7 %; Cân nặng theo chiều dài/chiều cao: Bình thường: 80/81 trẻ đạt 98,7%; suy DD thể gầy còm: 1/81 chiếm 1,3%. Tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về cân nặng còn thấp chưa đạt 95% [5.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm Y tế xã tổ chức các hoạt

động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng và phù hợp với tình hình thực tế địa phương. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về cân nặng còn thấp chưa đạt 95%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục kết hợp với Y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho trẻ. Nhân viên Y tế hướng dẫn giáo viên việc chăm sóc cho trẻ tại lớp và tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về chế độ ăn và chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại gia đình. Tham khảo tài liệu về nội dung tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ các vấn đề liên quan đến sức khỏe phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, nâng cao hiệu quả của các buổi tuyên truyền với nội dung đa dạng, phong phú.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 97 %, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98 % [H1-1.5-02].

100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường đều hoàn thành Chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 27 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H1-1.5-02]; [H5-5.4-01].

Năm học 2023-2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập. Nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp quan tâm đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung NDCSGD phù hợp với thực tế của nhóm lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ [H1-1.4-04].

Mức 2:

Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 97%, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98 % [H1-1.5-02].

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi trong nhà trường đều hoàn thành Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đạt 100%. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 27 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN [H5-5.4-01].

Năm học 2024-2025 nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 3:

Năm học 2023-2024 nhà trường có 21/21 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN [H5-5.4-01].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền duy trì nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 97%, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98%. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN, không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập.

3. Điểm yếu: Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục nâng cao công tác tuyên truyền huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu ủy ban nhân dân huyện giao. Giảng dạy có chất lượng, tổ chức tốt các hoạt động NDCSGD trẻ nhằm thu hút trẻ ra lớp giữ vững lệ chuyên cần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GDMN và phát triển phù hợp theo quy định, phù hợp với thực tế của nhà trường, với văn hóa địa phương. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình GDMN bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường. Tổ chức hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100%, nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập. Làm tốt công tác phối hợp với cơ sở Y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường đạt 87%, cân nặng phát triển bình thường đạt 91%. Chế độ dinh dưỡng của trẻ được nhà trường xây dựng phù hợp với độ tuổi, đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học: Thê nhẹ cân giảm 2,7%, thê thấp còi giảm 6,1%. Trong các năm học nhà trường thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ toàn trường đạt 97% trở lên, trong đó trẻ dưới 5 tuổi đạt 97%, trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98%.

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, NDCSGD trẻ và đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung giáo dục nhà trường đã xây dựng. Nội dung tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ chưa đa dạng, phong phú.

Chương trình giáo dục của nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng chưa đạt 95%.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 5: 4 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

III. KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non xã Pa Thơm đã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, được UBND huyện tặng giấy khen. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên kang trang rộng rãi, môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 90% giáo viên nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, được cấp uỷ Đảng, Chính quyền địa phương và Phòng GD&ĐT quan tâm đầu tư xây mới, tu sửa cơ sở vật chất. Các ban ngành, đoàn thể địa phương kết hợp chặt chẽ với nhà trường tuyên truyền cha mẹ học sinh huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đã đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Ngành, của Đảng uỷ Chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, phụ huynh; đối chiếu các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong năm năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành; Trường Mầm non xã Pa Thơm đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí. Nhà trường tiến hành TĐG theo đúng quy trình. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt

động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình TĐG nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25/25 tiêu chí, tỷ lệ 100%.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tỷ lệ 0%.

Mức 2:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25/25 tỷ lệ 100%.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tỷ lệ 0%.

Mức 3:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 9/19 tỷ lệ 47,4%.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 10/19 tỷ lệ 52,6%.

*** Trường Mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với Trường Mầm non, kèm theo Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với Trường Mầm non.

Căn cứ kết quả TĐG của nhà trường, Trường Mầm non xã Pa Thơm huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên duy trì chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

Pa Thơm, ngày 25 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Nhớ